

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2023/HNGĐ - ST
Ngày 31 - 8 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Quốc Trung**

Ông **Đỗ Thanh Tú**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H** – sinh năm 1971 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Lý Văn L** – sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1988, chị và anh L chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, mặc dù anh chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là Lý Tuyết S, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1989; Lý Văn Nh, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1991 và Lý Văn D, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1995, hiện nay các con đã trưởng thành và đều đã có gia đình riêng nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị H trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Lê Thị H trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Lý Văn L đã được Toà án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Toà án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lý Văn L. Khi khởi kiện anh L cư trú tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lý Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện kết hôn với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị H về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh L, chị H yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Xét thấy, do chị H và anh L không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Lê Thị H và anh Lý Văn L là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh L có ba con chung là Lý Tuyết S, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1989; Lý Văn Nh, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1991 và Lý Văn D, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1995, hiện nay các con đã trưởng thành và

đều đã có gia đình riêng nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Lê Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị H và anh Lý Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị H và anh L có ba con chung là Lý Tuyết S, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1989; Lý Văn Nh, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1991 và Lý Văn D, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1995, hiện nay các con đã trưởng thành và đều đã có gia đình riêng nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Lê Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009318 ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm